

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam
Chương: 426

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 624/QĐ-STNMT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh (%)	
				Ước thực hiện/Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Dự toán thu, chi, nộp NSNN				
I	Dự toán thu	8.882	6.101,20	68,69	83,69
1	Lệ phí	1.290	699,83	54,25	74,69
2	Phí	7.592	5.401,37	71,15	85,02
II	Nộp NSNN	5.345	3.593,04	67,22	80,60
1	Lệ phí	1.290	699,83	54,25	74,69
2	Phí	4.055	2.893,21	71,35	82,18
III	Dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo quy định	3.537	2.092,86	59,17	86,65
1	Chi phục vụ thu phí	1.001	405,07	40,47	142,49
2	Chi phục vụ thu hoạt động dịch vụ, sự nghiệp khác	2.536	1.687,79	66,55	79,20
B	Dự toán chi NSNN phân bổ	48.656,22	21.661,20	44,52	86,79
I	Chi quản lý hành chính	12.989,13	8.164,66	62,86	109,05
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.538,87	7.672,55	66,49	113,11
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.450,27	492,10	33,93	69,90
II	Chi hoạt động kinh tế	11.139,88	2.089,40	18,76	95,86
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	2.220	1.622	73,06	-
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	8.919,88	467,40	5,24	21,44
III	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	24.527,21	11.407,14	46,51	74,60
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	24.527,21	11.407,14	46,51	74,60
C	Nguồn thu khác				
1	Thu Ban chỉ đạo, HĐTD Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư tỉnh		520,02		
2	Chi phúc lợi từ nguồn thu khác		4,20		